

**BAN TỔ CHỨC CUỘC THI
“TÌM HIỂU PHÁP LUẬT CHO
THANH, THIẾU NIÊN TRÊN ĐỊA BÀN
TỈNH LAI CHÂU” NĂM 2019**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Lai Châu, ngày 06 tháng 3 năm 2019

Số: 01/TL-BTC

THỂ LỆ

**Cuộc thi viết “Tìm hiểu pháp luật cho thanh, thiếu niên
trên địa bàn tỉnh Lai Châu” năm 2019**

Thực hiện Kế hoạch số 137/KH-UBND ngày 29 tháng 01 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về tổ chức Cuộc thi viết “Tìm hiểu pháp luật cho thanh, thiếu niên trên địa bàn tỉnh Lai Châu” năm 2019 (gọi tắt là “Cuộc thi”), Ban tổ chức Cuộc thi ban hành Thể lệ Cuộc thi như sau:

I. NGƯỜI DỰ THI

Thanh niên, thiếu niên, học sinh, sinh viên (từ 14 tuổi đến 30 tuổi) đang sinh sống, học tập, công tác tại tỉnh Lai Châu .

II. NGƯỜI KHÔNG ĐƯỢC DỰ THI

- Người dự thi không thuộc độ tuổi nêu trên.
- Người mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật.
- Thành viên Ban tổ chức, Ban chấm thi, Tổ thư ký giúp việc Ban tổ chức và Tổ thư ký giúp việc Ban chấm thi.
- Bố, mẹ, vợ, chồng, con của thành viên Ban tổ chức, Ban chấm thi, Tổ thư ký giúp việc Ban tổ chức, Tổ thư ký giúp việc Ban chấm thi.

III. NỘI DUNG, HÌNH THỨC THI

1. Nội dung thi

Tìm hiểu pháp luật về thanh niên, trẻ em, giáo dục, hôn nhân và gia đình, phòng, chống ma túy, phòng, chống mua bán người, giao thông đường bộ, phòng, chống bạo lực gia đình, an ninh mạng ...và các văn bản liên quan.

2. Hình thức thi

Thi viết bằng tiếng Việt, trả lời các câu hỏi kèm theo Thể lệ này.

IV. YÊU CẦU VỀ BÀI DỰ THI

1. Yêu cầu về nội dung

- Đúng chủ đề, nội dung quy định;

- Mỗi người dự thi chỉ được tham gia 01 bài dự thi, trả lời đủ các câu hỏi của Ban tổ chức Cuộc thi; không bắt buộc chép lại câu hỏi, không nhất thiết phải trả lời theo thứ tự câu hỏi. Nếu trích dẫn nội dung, hình ảnh, tư liệu để minh họa phải có chú thích rõ ràng.

2. Yêu cầu về hình thức

- Bài dự thi viết tay hoặc đánh máy bằng tiếng Việt (nếu đánh máy phải trên khổ giấy A4); bài dự thi phải được đánh số trang theo thứ tự, đóng lại thành tập;

- Phía trên (*hoặc trang bìa*) của bài dự thi ghi rõ: Bài dự thi “Tìm hiểu pháp luật cho thanh, thiếu niên trên địa bàn tỉnh Lai Châu” năm 2019”; họ và tên, tuổi (*hoặc ngày tháng năm sinh*), địa chỉ (*nơi ở, công tác, học tập*);

- Khuyến khích các Bài dự thi được trình bày công phu, có sưu tầm tranh ảnh minh họa, những câu chuyện về việc chấp hành pháp luật trong thanh, thiếu niên có tính giáo dục sâu sắc.

3. Bài dự thi không hợp lệ

- Bài của người không được dự thi;

- Bài dự thi có nội dung sao chép của người khác dưới mọi hình thức;

- Lợi dụng bài dự thi để vu khống, bịa đặt, xuyên tạc, chống phá Đảng, Nhà nước Việt nam; vi phạm đạo đức, thuần phong mỹ tục và các vi phạm pháp luật khác;

- Bài dự thi gửi quá thời hạn quy định.

V. THỜI GIAN TỔ CHỨC CUỘC THI, ĐỊA CHỈ NHẬN BÀI DỰ THI, HÌNH THỨC GỬI BÀI DỰ THI

1. Thời gian tổ chức Cuộc thi

- Cuộc thi được tổ chức từ ngày công bố Thể lệ cuộc thi đến 01/5/2019.

- Thời hạn kết thúc nhận bài dự thi chậm nhất là 17giờ 00’ ngày 01/5/2018 (*nếu bài dự thi gửi qua đường bưu điện thì tính theo dấu bưu điện nơi gửi*).

- Tổng kết, trao giải cuộc thi: Trong tháng 5/2019.

Khi đến nhận giải thưởng, cá nhân đạt giải phải mang theo một trong các giấy tờ sau: Thẻ học sinh; Giấy chứng minh nhân dân; Thẻ căn cước công dân; Giấy khai sinh hoặc giấy tờ chứng minh được độ tuổi. Trường hợp người đạt giải không thể trực tiếp đến nhận giải thưởng thì Ban tổ chức sẽ gửi giải thưởng đó theo địa chỉ ghi trên bài dự thi.

2. Địa chỉ nhận bài dự thi

Phòng Phổ biến, giáo dục pháp luật - Sở Tư pháp tỉnh Lai Châu.

Địa chỉ:: Tầng 3, nhà D, Trung tâm Hành chính-Chính trị tỉnh, Phường Tân Phong, Thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu.

Điện thoại: 0213.3791629; 0213.3876413.

3. Hình thức gửi bài dự thi

Tùy theo điều kiện thực tế nơi người dự thi học tập, công tác hoặc sinh sống, người dự thi có thể gửi bài dự thi về Phòng Phổ biến, giáo dục pháp luật - Sở Tư pháp bằng một trong các hình thức sau:

- Nộp bài dự thi theo cơ quan, đơn vị, địa phương (*nếu nộp ở địa phương đề nghị nộp về Phòng Tư pháp các huyện, thành phố*);

- Nộp bài dự thi trực tiếp tại Sở Tư pháp.

- Gửi bài dự thi qua đường bưu điện (ngoài phong bì cần ghi rõ: ***"Bài dự thi Tìm hiểu pháp luật cho thanh, thiếu niên trên địa bàn tỉnh Lai Châu" năm 2019.***

VI. GIẢI THƯỞNG CUỘC THI

1. Giải tập thể

Giải tập thể trao cho các cơ quan, đơn vị, địa phương (*các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; các phòng, ban cấp huyện; các xã, phường, thị trấn; trường học, đơn vị vũ trang; doanh nghiệp,...*) theo thứ tự tiêu chí sau: nhiều bài đạt giải cao, nhiều bài đạt giải, nhiều bài dự thi. (*Lưu ý: Bài dự thi được tập hợp gửi theo từng cơ quan, đơn vị, địa phương có xác nhận của Thủ trưởng cơ quan; Các Bài dự thi không gửi tập trung sẽ không tính vào số bài tập thể để xếp giải tập thể.*)

- 01 giải nhất, trị giá: 8.000.000 đồng.

- 02 giải nhì, trị giá mỗi giải: 5.000.000 đồng.

- 03 giải ba, trị giá mỗi giải: 3.000.000 đồng.

- 10 giải khuyến khích, trị giá mỗi giải: 2.000.000 đồng.

2. Giải cá nhân

- 01 giải nhất, trị giá: 5.000.000 đồng.

- 02 giải nhì, trị giá mỗi giải: 3.000.000 đồng.

- 05 giải ba, trị giá mỗi giải: 2.000.000 đồng.

- 20 giải khuyến khích, trị giá mỗi giải: 1.000.000 đồng.

Thể lệ và câu hỏi cuộc thi được công bố công khai, rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, Trang thông tin điện tử của Sở Tư pháp (sotp.laichau.gov.vn).

Đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức tuyên truyền, vận động thanh niên, thiếu niên, học sinh, sinh viên đang sinh sống, học tập, công tác tại tỉnh Lai Châu hưởng ứng tham gia Cuộc thi trong phạm vi cơ quan, đơn vị, địa phương quản lý./.

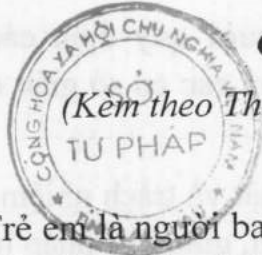
Nơi nhận:

- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Thành viên Ban Tổ chức;
- Các sở, ngành, đoàn thể tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Các doanh nghiệp nhà nước;
- Phòng Tư pháp các huyện, thành phố;
- Đài PT-TH tỉnh, Báo Lai Châu, Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, PBGDPL.

**TM. BAN TỔ CHỨC CUỘC THI
TRƯỞNG BAN**



**GIÁM ĐỐC SỞ TƯ PHÁP
Lê Thanh Hải**



CÂU HỎI CUỘC THI

(Kèm theo Thẻ lệ số 01 ngày 07 tháng 3 năm 2019)

Câu 1. Trẻ em là người bao nhiêu tuổi? Luật trẻ em năm 2016 giải thích thế nào về các khái niệm: Bảo vệ trẻ em, phát triển toàn diện của trẻ em, xâm hại trẻ em, bóc lột trẻ em, xâm hại tình dục trẻ em? Trẻ em có những quyền nào? Luật an ninh mạng 2018 quy định như thế nào về bảo vệ trẻ em trên không gian mạng?

Câu 2. Hãy nêu quy định về tuổi của thanh niên trong Luật thanh niên năm 2005. Quyền và nghĩa vụ của thanh niên được quy định như thế nào?

Câu 3. Độ tuổi gọi nhập ngũ được pháp luật quy định như thế nào? Công dân được gọi nhập ngũ phải đáp ứng những tiêu chuẩn nào? Những trường hợp nào công dân được tạm hoãn gọi nhập ngũ, miễn gọi nhập ngũ?

Câu 4. Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cấm những hành vi nào? Theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì nam, nữ kết hôn với nhau phải tuân theo những điều kiện gì? Luật quy định như thế nào về hôn nhân giữa những người cùng giới tính?

Một số nơi ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vẫn còn trường hợp thách cưới cao mang tính chất gả bán (như đòi bạc trắng, tiền mặt, của hồi môn, trâu, bò, chiêng ché... để dẫn cưới). Theo bạn, việc thách cưới trên có vi phạm pháp luật không? Việc áp dụng tập quán về hôn nhân và gia đình được pháp luật quy định như thế nào? Những tập quán lạc hậu nào về hôn nhân và gia đình cần vận động xóa bỏ?

Câu 5. Luật phòng, chống ma túy hiện hành quy định như thế nào về: chất ma túy; chất gây nghiện; chất hướng thần; tiền chất; thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần; cây có chứa chất ma túy; phòng, chống ma túy; tệ nạn ma túy; người nghiện ma túy? Những hành vi nào bị nghiêm cấm?

Ma túy có tác hại như thế nào đối với bản thân, gia đình và xã hội? Cá nhân, gia đình, cơ quan, tổ chức có trách nhiệm gì trong phòng, chống ma túy?

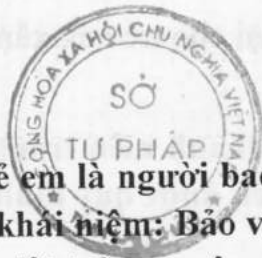
Câu 6: Bạo lực gia đình là gì? Các hành vi bạo lực gia đình bao gồm hành vi nào? Bạo lực gia đình gây ra những hậu quả như thế nào?

Câu 7. Hãy nêu những hành vi bị nghiêm cấm trong Luật giao thông đường bộ năm 2008? Trình bày một số quy tắc giao thông đường bộ sau đây: quy tắc chung; hệ thống báo hiệu đường bộ; chấp hành báo hiệu đường bộ; tốc độ xe và khoảng cách giữa các xe; sử dụng làn đường; vượt xe; chuyển hướng xe; lùi xe, tránh xe đi ngược chiều; dừng xe, đỗ xe trên đường bộ; dừng xe, đỗ xe trên đường phố; người đi bộ.

Câu 8. Luật phòng chống mua bán người quy định các hành vi nào bị nghiêm cấm? Cá nhân, gia đình, nhà trường và các cơ sở giáo dục, đào tạo tham gia phòng ngừa mua bán người như thế nào?

Câu 9. Quyền được thông tin về pháp luật và trách nhiệm tìm hiểu, học tập pháp luật của công dân; các hình thức phổ biến, giáo dục pháp luật được quy định như thế nào trong Luật phổ biến giáo dục năm 2012?

Câu 10. Là một thanh, thiếu niên, bạn cần có trách nhiệm như thế nào trong việc phổ biến, giáo dục pháp luật? Bạn hãy kể về một hình thức phổ biến có hiệu quả đang thực hiện ở trường học, cơ quan, đơn vị, địa phương nơi bạn học tập, công tác hoặc cư trú. Theo bạn cần những giải pháp nào để thực hiện có hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật cho thanh, thiếu niên trên địa bàn tỉnh Lai Châu? (Viết không quá 3000 từ).



GỢI Ý TRẢ LỜI

Câu 1. Trẻ em là người bao nhiêu tuổi? Luật trẻ em năm 2016 giải thích thế nào về các khái niệm: Bảo vệ trẻ em, phát triển toàn diện của trẻ em, xâm hại trẻ em, bóc lột trẻ em, xâm hại tình dục trẻ em? Trẻ em có những quyền nào? Luật an ninh mạng 2018 quy định như thế nào về bảo vệ trẻ em trên không gian mạng?

Gợi ý:

- Trẻ em là người dưới 16 tuổi.
- Các khái niệm: Bảo vệ trẻ em, phát triển toàn diện trẻ em, xâm hại trẻ em, bóc lột trẻ em, xâm hại tình dục trẻ em được quy định tại các khoản 1, 2, 5, 7, 8 Điều 4 Luật trẻ em 2016.
- Các quyền của trẻ em được quy định từ Điều 12 đến Điều 36 Luật trẻ em năm 2016.
- Điều 29 Luật an ninh mạng 2018 quy định về bảo vệ trẻ em trên không gian mạng như sau:
 1. Trẻ em có quyền được bảo vệ, tiếp cận thông tin, tham gia hoạt động xã hội, vui chơi, giải trí, giữ bí mật cá nhân, đời sống riêng tư và các quyền khác khi tham gia trên không gian mạng.
 2. Chủ quản hệ thống thông tin, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trên mạng viễn thông, mạng Internet, các dịch vụ gia tăng trên không gian mạng có trách nhiệm kiểm soát nội dung thông tin trên hệ thống thông tin hoặc trên dịch vụ do doanh nghiệp cung cấp để không gây nguy hại cho trẻ em, xâm phạm đến trẻ em, quyền trẻ em; ngăn chặn việc chia sẻ và xóa bỏ thông tin có nội dung gây nguy hại cho trẻ em, xâm phạm đến trẻ em, quyền trẻ em; kịp thời thông báo, phối hợp với lực lượng chuyên trách bảo vệ an ninh mạng thuộc Bộ Công an để xử lý.
 3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động trên không gian mạng có trách nhiệm phối hợp với cơ quan có thẩm quyền trong bảo đảm quyền của trẻ em trên không gian mạng, ngăn chặn thông tin có nội dung gây nguy hại cho trẻ em theo quy định của Luật này và pháp luật về trẻ em.
 4. Cơ quan, tổ chức, cha mẹ, giáo viên, người chăm sóc trẻ em và cá nhân khác liên quan có trách nhiệm bảo đảm quyền của trẻ em, bảo vệ trẻ em khi tham gia không gian mạng theo quy định của pháp luật về trẻ em.
 5. Lực lượng chuyên trách bảo vệ an ninh mạng và các cơ quan chức năng có trách nhiệm áp dụng biện pháp để phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, xử lý nghiêm

hành vi sử dụng không gian mạng gây nguy hại cho trẻ em, xâm phạm đến trẻ em, quyền trẻ em.

Câu 2. Hãy nêu quy định về tuổi của thanh niên trong Luật thanh niên năm 2005. Quyền và nghĩa vụ của thanh niên được quy định như thế nào?

Gợi ý:

* Luật thanh niên năm 2005 quy định thanh niên là công dân Việt Nam từ đủ mười sáu tuổi đến ba mươi tuổi (Điều 1).

* Quyền và nghĩa vụ của thanh niên

Điều 3 Luật thanh niên năm 2005 quy định chung về quyền và nghĩa vụ của thanh niên như sau:

- Thanh niên có các quyền, nghĩa vụ của công dân theo quy định của Hiến pháp, pháp luật và các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Luật Thanh niên năm 2005.

- Thanh niên không phân biệt dân tộc, nam nữ, thành phần xã hội, tín ngưỡng, tôn giáo, trình độ văn hoá, nghề nghiệp đều được tôn trọng và bình đẳng về quyền và nghĩa vụ.

Quyền và nghĩa vụ của thanh niên trong các lĩnh vực cụ thể: (Nêu các quy định từ Điều 9 đến Điều 16 Luật thanh niên năm 2005).

Câu 3. Độ tuổi gọi nhập ngũ được pháp luật quy định như thế nào? Công dân được gọi nhập ngũ phải đáp ứng những tiêu chuẩn nào? Những trường hợp nào công dân được tạm hoãn gọi nhập ngũ, miễn gọi nhập ngũ?

Gợi ý:

*** Độ tuổi gọi nhập ngũ**

Điều 30 Luật nghĩa vụ quân sự 2015 quy định: Công dân đủ 18 tuổi được gọi nhập ngũ; độ tuổi gọi nhập ngũ từ đủ 18 tuổi đến hết 25 tuổi; công dân được đào tạo trình độ cao đẳng, đại học đã được tạm hoãn gọi nhập ngũ thì độ tuổi gọi nhập ngũ đến hết 27 tuổi.

*** Tiêu chuẩn công dân được gọi nhập ngũ**

Khoản 1 Điều 31 Luật nghĩa vụ quân sự 2015 quy định công dân được gọi nhập ngũ khi có đủ các tiêu chuẩn sau đây:

a) Lý lịch rõ ràng;

b) Chấp hành nghiêm đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước;

c) Đủ sức khỏe phục vụ tại ngũ theo quy định;

d) Có trình độ văn hóa phù hợp.

*** Những trường hợp công dân được tạm hoãn gọi nhập ngũ, miễn gọi nhập ngũ?**

Điều 41 Luật nghĩa vụ quân sự 2015 quy định về tạm hoãn gọi nhập ngũ và miễn gọi nhập ngũ như sau:

1. Tạm hoãn gọi nhập ngũ đối với những công dân sau đây:

a) Chưa đủ sức khỏe phục vụ tại ngũ theo kết luận của Hội đồng khám sức khỏe;

b) Là lao động duy nhất phải trực tiếp nuôi dưỡng thân nhân không còn khả năng lao động hoặc chưa đến tuổi lao động; trong gia đình bị thiệt hại nặng về người và tài sản do tai nạn, thiên tai, dịch bệnh nguy hiểm gây ra được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận;

c) Một con của bệnh binh, người nhiễm chất độc da cam suy giảm khả năng lao động từ 61% đến 80%;

d) Có anh, chị hoặc em ruột là hạ sĩ quan, binh sĩ đang phục vụ tại ngũ; hạ sĩ quan, chiến sĩ thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân;

đ) Người thuộc diện di dân, giãn dân trong 03 năm đầu đến các xã đặc biệt khó khăn theo dự án phát triển kinh tế - xã hội của Nhà nước do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trở lên quyết định;

e) Cán bộ, công chức, viên chức, thanh niên xung phong được điều động đến công tác, làm việc ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật;

g) Đang học tại cơ sở giáo dục phổ thông; đang được đào tạo trình độ đại học hệ chính quy thuộc cơ sở giáo dục đại học, trình độ cao đẳng hệ chính quy thuộc cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong thời gian một khóa đào tạo của một trình độ đào tạo.

2. Miễn gọi nhập ngũ đối với những công dân sau đây:

a) Con của liệt sĩ, con của thương binh hạng một;

b) Một anh hoặc một em trai của liệt sĩ;

c) Một con của thương binh hạng hai; một con của bệnh binh suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên; một con của người nhiễm chất độc da cam suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên;

d) Người làm công tác cơ yếu không phải là quân nhân, Công an nhân dân;

đ) Cán bộ, công chức, viên chức, thanh niên xung phong được điều động đến công tác, làm việc ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật từ 24 tháng trở lên.

3. Công dân thuộc diện tạm hoãn gọi nhập ngũ quy định tại khoản 1 Điều này, nếu không còn lý do tạm hoãn thì được gọi nhập ngũ.

Công dân thuộc diện được tạm hoãn gọi nhập ngũ hoặc được miễn gọi nhập ngũ quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, nếu tình nguyện thì được xem xét tuyển chọn và gọi nhập ngũ.

Câu 4. Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cấm những hành vi nào? Theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì nam, nữ kết hôn với nhau phải tuân theo những điều kiện gì? Luật quy định như thế nào về hôn nhân giữa những người cùng giới tính?

Một số nơi ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vẫn còn trường hợp thách cưới cao mang tính chất gả bán (như đòi bạc trắng, tiền mặt, của hồi môn, trâu, bò, chiêng ché...để dẫn cưới). Theo bạn, việc thách cưới trên có vi phạm pháp luật không? Việc áp dụng tập quán về hôn nhân và gia đình được pháp luật quy định như thế nào? Những tập quán lạc hậu nào về hôn nhân và gia đình cần vận động xóa bỏ?

Gợi ý:

** Những hành vi bị cấm theo Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 (sau đây gọi là Luật hôn nhân và gia đình)*

Khoản 2 Điều 5 Luật hôn nhân và gia đình quy định những hành vi sau đây bị nghiêm cấm:

- a) Kết hôn giả tạo, ly hôn giả tạo;
- b) Tảo hôn, cưỡng ép kết hôn, lừa dối kết hôn, cản trở kết hôn;
- c) Người đang có vợ, có chồng mà kết hôn hoặc chung sống như vợ chồng với người khác hoặc chưa có vợ, chưa có chồng mà kết hôn hoặc chung sống như vợ chồng với người đang có chồng, có vợ;
- d) Kết hôn hoặc chung sống như vợ chồng giữa những người cùng dòng máu về trực hệ; giữa những người có họ trong phạm vi ba đời; giữa cha, mẹ nuôi với con nuôi; giữa người đã từng là cha, mẹ nuôi với con nuôi, cha chồng với con dâu, mẹ vợ với con rể, cha dượng với con riêng của vợ, mẹ kế với con riêng của chồng;
- đ) Yêu sách của cải trong kết hôn;
- e) Cưỡng ép ly hôn, lừa dối ly hôn, cản trở ly hôn;
- g) Thực hiện sinh con bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản vì mục đích thương mại, mang thai hộ vì mục đích thương mại, lựa chọn giới tính thai nhi, sinh sản vô tính;

h) Bạo lực gia đình;

i) Lợi dụng việc thực hiện quyền về hôn nhân và gia đình để mua bán người, bóc lột sức lao động, xâm phạm tình dục hoặc có hành vi khác nhằm mục đích trục lợi.

*** Theo quy định tại Khoản 1 Điều 8 của Luật hôn nhân và gia đình thì nam, nữ kết hôn với nhau phải tuân theo những điều kiện sau:**

- Nam từ đủ 20 tuổi trở lên, nữ từ đủ 18 tuổi trở lên;
- Việc kết hôn do nam và nữ tự nguyện quyết định;
- Không bị mất năng lực hành vi dân sự;
- Việc kết hôn không thuộc một trong các trường hợp cấm kết hôn theo quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 2 Điều 5 của Luật hôn nhân và gia đình.

*** Luật quy định về hôn nhân giữa những người cùng giới tính.**

Nhà nước không thừa nhận hôn nhân giữa những người cùng giới tính

*** Một số nơi ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vẫn còn trường hợp thách cưới cao mang tính chất gả bán (như đòi bạc trắng, tiền mặt, của hồi môn, trâu, bò, chiêng ché... để dẫn cưới). Theo bạn, việc thách cưới trên có vi phạm pháp luật không? Việc áp dụng tập quán về hôn nhân và gia đình được pháp luật quy định như thế nào? Những tập quán lạc hậu nào về hôn nhân và gia đình cần vận động xóa bỏ?**

Việc áp dụng tập quán về hôn nhân và gia đình được điều chỉnh bởi Luật hôn nhân và gia đình, Nghị định số 126/2014/NĐ-CP ngày 31/12/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hôn nhân và gia đình.

Khoản 1 Điều 7 Luật hôn nhân và gia đình quy định: “Trong trường hợp pháp luật không quy định và các bên không có thỏa thuận thì tập quán tốt đẹp thể hiện bản sắc của mỗi dân tộc, không trái với nguyên tắc quy định tại Điều 2 và không vi phạm điều cấm của Luật này được áp dụng”.

Điều 2 Luật hôn nhân và gia đình quy định nguyên tắc của chế độ hôn nhân và gia đình như sau:

“Điều 2. Những nguyên tắc cơ bản của chế độ hôn nhân và gia đình

1. Hôn nhân tự nguyện, tiến bộ, một vợ một chồng, vợ chồng bình đẳng.
2. Hôn nhân giữa công dân Việt Nam thuộc các dân tộc, tôn giáo, giữa người theo tôn giáo với người không theo tôn giáo, giữa người có tín ngưỡng với người không có tín ngưỡng, giữa công dân Việt Nam với người nước ngoài được tôn trọng và được pháp luật bảo vệ.

3. *Xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc; các thành viên gia đình có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; không phân biệt đối xử giữa các con.*

4. *Nhà nước, xã hội và gia đình có trách nhiệm bảo vệ, hỗ trợ trẻ em, người cao tuổi, người khuyết tật thực hiện các quyền về hôn nhân và gia đình; giúp đỡ các bà mẹ thực hiện tốt chức năng cao quý của người mẹ; thực hiện kế hoạch hóa gia đình.*

5. *Kế thừa, phát huy truyền thống văn hóa, đạo đức tốt đẹp của dân tộc Việt Nam về hôn nhân và gia đình.*”

Điều 2 Nghị định 126/2014/NĐ-CP quy định về nguyên tắc áp dụng tập quán như sau:

- Tập quán về hôn nhân và gia đình được áp dụng phải là quy tắc xử sự có nội dung rõ ràng về quyền, nghĩa vụ của các bên trong quan hệ hôn nhân và gia đình, được lập đi, lặp lại trong một thời gian dài và được thừa nhận rộng rãi trong một vùng, miền hoặc cộng đồng.

- Trong trường hợp pháp luật không quy định và các bên không có thỏa thuận thì tập quán tốt đẹp thể hiện bản sắc của mỗi dân tộc, không trái với nguyên tắc quy định tại Điều 2 của Luật hôn nhân và gia đình và không vi phạm điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình được áp dụng.

- Tôn trọng sự thỏa thuận của các bên về tập quán được áp dụng.

Thực tế hiện nay việc nam nữ tự do tìm hiểu, tự do lựa chọn người bạn đời; hoặc sau khi kết hôn, tùy theo sự sắp xếp, thỏa thuận giữa hai gia đình, vợ, chồng có thể cư trú ở nhà vợ hoặc ở nhà chồng; cha mẹ có trách nhiệm nuôi dưỡng, giáo dục con nên người, có trách nhiệm bồi thường thiệt hại do con gây ra... là những phong tục, tập quán phù hợp với quy định của pháp luật, được nhà nước khuyến khích áp dụng. Tuy nhiên, việc “thách cưới” là vi phạm pháp luật, vì theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 5 Luật hôn nhân và gia đình, hành vi “yêu sách của cải trong kết hôn” là một trong các hành vi bị cấm. Yêu sách của cải trong kết hôn được hiểu là việc đòi hỏi về vật chất một cách quá đáng và coi đó là điều kiện để kết hôn nhằm cản trở việc kết hôn tự nguyện của nam, nữ (khoản 12 Điều 3 Luật hôn nhân và gia đình).

Khoản 2 Điều 9 của Văn bản hợp nhất số 8015/VBHN-BTP ngày 10/12/2013 về việc áp dụng Luật hôn nhân và gia đình đối với các dân tộc thiểu số còn quy định: “*Nghiêm cấm việc thách cưới cao mang tính chất gả bán (như đòi bạc trắng, tiền mặt, của hồi môn, trâu, bò, chiêng ché... để dẫn cưới) và các hành vi cản trở việc kết hôn hoặc xâm phạm đến nhân phẩm của người phụ nữ*”.

Căn cứ các quy định ở trên có thể thấy việc đòi hỏi về vật chất một cách quá đáng và coi đó là điều kiện để kết hôn nhằm cản trở việc kết hôn tự nguyện của nam, nữ hoặc việc “thách cưới” mang tính chất gả bán là các hành vi bị pháp luật nghiêm cấm nhằm bảo vệ chế độ hôn nhân và gia đình.

*** Những tập quán lạc hậu về hôn nhân và gia đình cần vận động xóa bỏ**

Danh mục Các tập quán lạc hậu về hôn nhân gia đình cần vận động xóa bỏ (ban hành kèm theo Nghị định 126/2014/NĐ-CP ngày 31/12/2014 của Chính phủ):

1. Kết hôn trước tuổi quy định của Luật hôn nhân và gia đình.
2. Việc đăng ký kết hôn không do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện.
3. Cưỡng ép kết hôn do xem “lá số” và do mê tín dị đoan; cản trở hôn nhân do khác dân tộc, tôn giáo.
4. Cấm kết hôn giữa những người có họ trong phạm vi từ bốn đời trở lên.
5. Nếu nhà trai không có tiền cưới và đồ sinh lễ thì sau khi kết hôn, người con rể buộc phải ở rể để trả công cho bố, mẹ vợ.
6. Quan hệ gia đình theo chế độ phụ hệ hoặc mẫu hệ, không bảo đảm quyền bình đẳng giữa vợ và chồng, giữa con trai và con gái.

a) Chế độ phụ hệ:

Khi ly hôn, nếu do người vợ yêu cầu ly hôn thì nhà gái phải trả lại nhà trai toàn bộ đồ sinh lễ và những phí tổn khác; nếu do người chồng yêu cầu ly hôn thì nhà gái vẫn phải trả lại nhà trai một nửa đồ sinh lễ. Sau khi ly hôn, nếu người phụ nữ kết hôn với người khác thì không được hưởng và mang đi bất cứ tài sản gì. Sau khi cha, mẹ ly hôn, con phải theo cha.

Khi người chồng chết, người vợ góa không có quyền hưởng phần di sản của người chồng quá cố để lại. Nếu người vợ góa tái hôn với người khác thì không được hưởng và mang đi bất cứ tài sản gì.

Khi người cha chết, chỉ các con trai có quyền còn các con gái không có quyền hưởng phần di sản của người cha quá cố để lại.

b) Chế độ mẫu hệ:

Người con bị bắt buộc phải mang họ của người mẹ.

Khi người vợ chết, người chồng góa không có quyền hưởng phần di sản của người vợ quá cố để lại và không được mang tài sản riêng của mình về nhà.

Khi người mẹ chết, chỉ các con gái có quyền còn các con trai không có quyền hưởng phần di sản của người mẹ quá cố để lại.

Sau khi ở rể, người con rể bị “tù hôn” hoặc sau khi ăn hỏi, nhận đồ sính lễ, người con trai bị “tù hôn” thì không được bù trả lại.

7. Không kết hôn giữa người thuộc dân tộc này với người thuộc dân tộc khác và giữa những người khác tôn giáo.

Câu 5. Luật phòng, chống ma túy hiện hành quy định như thế nào về: chất ma túy; chất gây nghiện; chất hướng thần; tiền chất; thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần; cây có chứa chất ma túy; phòng, chống ma túy; tệ nạn ma túy; người nghiện ma túy? Những hành vi nào bị nghiêm cấm?

Ma túy có tác hại như thế nào đối với bản thân, gia đình và xã hội? Cá nhân, gia đình, cơ quan, tổ chức có trách nhiệm gì trong phòng, chống ma túy?

Gợi ý:

*** Trong Luật phòng, chống ma túy hiện hành, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:**

1. Chất ma túy là các chất gây nghiện, chất hướng thần được quy định trong các danh mục do Chính phủ ban hành.

2. Chất gây nghiện là chất kích thích hoặc ức chế thần kinh, dễ gây tình trạng nghiện đối với người sử dụng.

3. Chất hướng thần là chất kích thích, ức chế thần kinh hoặc gây ảo giác, nếu sử dụng nhiều lần có thể dẫn tới tình trạng nghiện đối với người sử dụng.

4. Tiền chất là các hoá chất không thể thiếu được trong quá trình điều chế, sản xuất chất ma túy, được quy định trong danh mục do Chính phủ ban hành.

5. Thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần là các loại thuốc chữa bệnh được quy định trong các danh mục do Bộ Y tế ban hành, có chứa các chất quy định tại mục 2 và mục 3 nêu trên.

6. Cây có chứa chất ma túy bao gồm cây thuốc phiện (cây anh túc), cây cô ca, cây cần sa hoặc cây khác có chứa chất ma túy do Chính phủ quy định.

7. Phòng, chống ma túy là phòng ngừa, ngăn chặn, đấu tranh chống tệ nạn ma túy và kiểm soát các hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy.

8. Tệ nạn ma túy là tình trạng nghiện ma túy, tội phạm về ma túy và các hành vi trái phép khác về ma túy.

9. Người nghiện ma túy là người sử dụng chất ma túy, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần và bị lệ thuộc vào các chất này.

*** Những hành vi bị nghiêm cấm:**

1. Trồng cây có chứa chất ma túy;

2. Sản xuất, tàng trữ, vận chuyển, bảo quản, mua bán, phân phối, giám định, xử lý, trao đổi, xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh, nghiên cứu trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy, tiền chất, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần;

3. Sử dụng, tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy; xúi giục, cưỡng bức, lôi kéo, chứa chấp, hỗ trợ việc sử dụng trái phép chất ma túy;

4. Sản xuất, tàng trữ, vận chuyển, mua bán phương tiện, dụng cụ dùng vào việc sản xuất, sử dụng trái phép chất ma túy;

5. Hợp pháp hoá tiền, tài sản do phạm tội về ma túy mà có;

6. Chống lại hoặc cản trở việc cai nghiện ma túy;

7. Trả thù hoặc cản trở người có trách nhiệm hoặc người tham gia phòng, chống ma túy;

8. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn, nghề nghiệp để vi phạm pháp luật về phòng, chống ma túy;

9. Các hành vi trái phép khác về ma túy.

*** Ma túy có tác hại như thế nào đối với bản thân, gia đình và xã hội? Cá nhân, gia đình, cơ quan, tổ chức có trách nhiệm gì trong phòng, chống ma túy?**

Ma túy có những tác hại nghiêm trọng cho bản thân người nghiện, gia đình và xã hội.

• Đối với bản thân người nghiện:

- Về sức khỏe

+ Hít ma túy gây viêm niêm mạc vùng mũi họng.

+ Hút ma túy làm tổn thương đường hô hấp, làm phổi suy yếu dễ mắc các bệnh viêm phổi, ung thư phổi.

+ Chích ma túy làm lây truyền các bệnh qua đường máu như sốt rét, viêm gan siêu vi B... và nguy hiểm nhất là HIV/AIDS.

+ Ma túy chích tại các tụ điểm, ổ chích không đảm bảo vô trùng lại còn bị pha thêm một số chất bẩn có thể gây áp-xe nơi chích có khi gây hoại tử làm cụt chân tay hoặc gây nhiễm trùng máu có thể đưa đến tử vong.

+ Dùng ma túy quá liều có thể tim ngừng đập, ngưng thở (sốc thuốc) dẫn đến chết người.

- Về thể trạng, tinh thần và nhân phẩm

+ Người nghiện lâu ngày cơ thể tiêu tụy, gây ốm, da xám xịt, môi thâm, tóc tai xơ xác, thân hình bần thủ, hôi hám.

+ Người nghiện bị suy thoái về mặt tinh thần, kém tập trung suy nghĩ, giảm nghị lực, mất ý chí vươn lên cho vì luôn luôn thèm nhớ ma túy.

+ Người mới nghiện heroin, khi "phê" (ngay sau khi sử dụng ma túy) thường gia tăng khả năng tình dục dẫn đến hành vi tình dục không an toàn, có thể bị lây nhiễm AIDS (sử dụng thuốc lắc cũng đưa đến tình trạng này). Tuy nhiên khi sử dụng lâu dài thì ma túy làm suy yếu và làm mất hẳn khả năng quan hệ tình dục của người nghiện.

+ Phụ nữ nghiện ma túy có người phải bán dâm để có tiền mua ma túy hoặc bọn ma cô sử dụng ma túy để ép buộc, sai khiến người nghiện nữ phải bán dâm lấy tiền cho chúng.

+ Nghiện ma túy là đánh mất tuổi trẻ, hủy hoại tương lai của chính mình, hoàn toàn không có lợi ích gì cho bản thân người nghiện, gia đình và xã hội.

• **Đối với gia đình:**

- Buồn khổ vì trong nhà có người nghiện. Công việc làm ăn của gia đình bị thất bát vì người quen, khách hàng không còn tín nhiệm, xa lánh.

- Mất mát tài sản, ảnh hưởng về mặt tài chính vì người nghiện phung phí tiền bạc, trộm cắp của cải trong nhà đem cầm, bán để mua ma túy.

- Hạnh phúc gia đình tan vỡ, bỏ bê con cái khi người chồng hay vợ nghiện ma túy.

- Mặc cảm, xấu hổ với hàng xóm láng giềng và bà con thân tộc vì gia đình có người nghiện.

- Thường xuyên phải hao tổn tiền bồi thường cho những nạn nhân của người nghiện do quậy phá, đánh nhau, gây tai nạn giao thông, trộm cắp tài sản của người khác.

- Hao phí tiền bạc công sức, thời gian chăm sóc khi người mắc những chứng bệnh do sử dụng các chất gây nghiện, bỏ công ăn việc làm đi thăm nuôi khi người nghiện phải vào tù vì phạm pháp hoặc vào Trung tâm cai nghiện bắt buộc.

• **Đối với xã hội:**

- Nghiện ma túy là nguyên nhân làm gia tăng những tệ nạn xã hội và tội phạm hình sự. Để có tiền thoả mãn cơn nghiện, người nghiện không từ một hành vi nào để kiếm tiền. Những hành vi phạm pháp như: trộm cắp, móc túi, giật đồ, hiếp dâm.... thậm chí giết người họ cũng dám làm.

- Các chất ma túy gây ảo giác làm cho người nghiện có thể có hành vi hung hãn, gây hấn, quậy phá gây mất trật tự an ninh xã hội, có khi nổi máu "yêng hùng" đua xe lạng lách gây tai nạn giao thông, làm những hành vi điên khùng, ngông cuồng để được đánh giá là khác người...

- Hoang phí tiền bạc xã hội ghê gớm, xã hội mất tiền do người nghiện sử dụng để mua ma túy. Nếu mỗi người nghiện chi phí cho ma túy từ 100.000 cho đến 200.000 đồng/ngày thì số người nghiện ở nước ta hàng ngày tiêu tốn từ 20 tỷ cho đến 40 tỷ mỗi ngày cho việc sử dụng ma túy (số tiền thật sự chắc chắn là còn lớn hơn rất nhiều lần).

- Nghiện ma túy làm lây lan đại dịch HIV/AIDS trong cộng đồng qua hành vi tiêm chích ma túy lẫn nhau và quan hệ tình dục không an toàn do say thuốc lắc và là một trong những nguyên nhân làm gia tăng tệ nạn mại dâm.

- Tốn kém ngân sách Nhà nước thay vì để lo cho phúc lợi công cộng lại phải xây dựng rất nhiều cơ sở chữa bệnh, tổ chức lực lượng phòng chống và giải quyết các hậu quả tệ hại do tệ nạn ma túy đem lại.

*** Cá nhân, gia đình, cơ quan, tổ chức có trách nhiệm gì trong phòng, chống ma túy?**

Điều 7, Điều 8, Điều 10, Điều 11 và Điều 12 Luật phòng, chống ma túy quy định trách nhiệm của cá nhân, gia đình, cơ quan, tổ chức trong phòng chống ma túy như sau:

- Cá nhân, gia đình, cơ quan, tổ chức có trách nhiệm phát hiện, cung cấp nhanh chóng các thông tin về tệ nạn ma túy cho cơ quan công an hoặc cơ quan khác có thẩm quyền. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền phải xem xét, giải quyết kịp thời những thông tin, tố giác về tệ nạn ma túy.

- Cá nhân, gia đình, cơ quan, tổ chức có trách nhiệm phát hiện, báo cáo kịp thời cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền việc trồng cây có chứa chất ma túy; tham gia triệt phá cây có chứa chất ma túy do chính quyền địa phương tổ chức.

- Tại các vùng phải xoá bỏ cây có chứa chất ma túy, các cơ quan nhà nước trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm tổ chức thực hiện chủ trương, chính sách của Nhà nước về phát triển sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp để thay thế việc trồng cây có chứa chất ma túy; quy hoạch cơ cấu nông nghiệp, lâm nghiệp, công nghiệp, dịch vụ và thị trường phù hợp để nhân dân chuyển hướng sản xuất có hiệu quả.

- Nhà trường và các cơ sở giáo dục khác có trách nhiệm:

Tổ chức thực hiện chương trình giáo dục về phòng, chống ma túy; giáo dục pháp luật về phòng, chống ma túy và lối sống lành mạnh cho học sinh, sinh viên, học viên; quản lý chặt chẽ, ngăn chặn học sinh, sinh viên, học viên tham gia tệ nạn ma túy;

Phối hợp với gia đình, cơ quan, tổ chức và chính quyền địa phương để quản lý, giáo dục học sinh, sinh viên, học viên về phòng, chống ma túy;

Phối hợp với cơ quan y tế và chính quyền địa phương tổ chức xét nghiệm khi cần thiết để phát hiện học sinh, sinh viên, học viên nghiện ma túy.

- Cơ quan nhà nước, đơn vị vũ trang nhân dân trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm tổ chức phòng, chống ma túy ở cơ quan, đơn vị mình; phòng ngừa, ngăn chặn cán bộ, công chức và cán bộ, chiến sĩ thuộc lực lượng vũ trang nhân dân tham gia tệ nạn ma túy; tuyên truyền, động viên cán bộ, công chức và cán bộ, chiến sĩ thuộc lực lượng vũ trang nhân dân và nhân dân phát hiện, tố giác, đấu tranh với tệ nạn ma túy.

- Các cơ quan thông tin, tuyên truyền có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, đơn vị vũ trang nhân dân tổ chức tuyên truyền, giáo dục để nhân dân nhận thức rõ về tác hại của ma túy; chủ trương, chính sách, pháp luật, biện pháp của Nhà nước về phòng, chống ma túy.

Câu 6. Bạo lực gia đình là gì? Các hành vi bạo lực gia đình bao gồm hành vi nào? Bạo lực gia đình gây ra những hậu quả như thế nào?

Gợi ý:

*** Bạo lực gia đình là gì?**

Khoản 2 Điều 1 Luật phòng chống bạo lực gia đình quy định: Bạo lực gia đình là hành vi cố ý của thành viên gia đình gây tổn hại hoặc có khả năng gây tổn hại về thể chất, tinh thần, kinh tế đối với thành viên khác trong gia đình.

*** Các hành vi bạo lực gia đình bao gồm hành vi nào?**

Điều 2 Luật phòng chống bạo lực gia đình quy định về các hành vi bạo lực gia đình như sau:

“1. Các hành vi bạo lực gia đình bao gồm:

a) Hành hạ, ngược đãi, đánh đập hoặc hành vi cố ý khác xâm hại đến sức khoẻ, tính mạng;

b) Lãng mạ hoặc hành vi cố ý khác xúc phạm danh dự, nhân phẩm;

c) Cô lập, xua đuổi hoặc gây áp lực thường xuyên về tâm lý gây hậu quả nghiêm trọng;

d) Ngăn cản việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong quan hệ gia đình giữa ông, bà và cháu; giữa cha, mẹ và con; giữa vợ và chồng; giữa anh, chị, em với nhau;

đ) Cưỡng ép quan hệ tình dục;

e) Cưỡng ép tảo hôn; cưỡng ép kết hôn, ly hôn hoặc cản trở hôn nhân tự nguyện, tiến bộ;

g) Chiếm đoạt, hủy hoại, đập phá hoặc có hành vi khác cố ý làm hư hỏng tài sản riêng của thành viên khác trong gia đình hoặc tài sản chung của các thành viên gia đình;

h) Cường ép thành viên gia đình lao động quá sức, đóng góp tài chính quá khả năng của họ; kiểm soát thu nhập của thành viên gia đình nhằm tạo ra tình trạng phụ thuộc về tài chính;

i) Có hành vi trái pháp luật buộc thành viên gia đình ra khỏi chỗ ở.

2. Hành vi bạo lực quy định tại khoản 1 Điều này cũng được áp dụng đối với thành viên gia đình của vợ, chồng đã ly hôn hoặc nam, nữ không đăng ký kết hôn mà chung sống với nhau như vợ chồng.”

*** Bạo lực gia đình gây ra những hậu quả như thế nào?**

- Bạo lực gia đình đã và đang gây ra nhiều hậu quả nghiêm trọng, trước hết là vi phạm nghiêm trọng đến quyền con người, đến danh dự, nhân phẩm và tính mạng của mỗi cá nhân.

Về thể chất, do những hành vi bạo lực gia đình như đánh đập, quăng ném, không cho ăn, mặc đảm bảo, sử dụng hung khí để hành hạ nên nạn nhân bạo lực gia đình có thể bị giảm khả năng về ăn, ngủ, nghỉ, bị tổn thương thực thể từ nhẹ như bị bầm tím, xây xước, chảy máu tới nặng hơn như bị thương tật làm giảm hoặc mất khả năng lao động thậm chí tử vong.

Riêng với phụ nữ, trẻ em gái do những ép buộc tình dục họ còn bị ảnh hưởng tới sức khỏe sinh sản như: Mang thai ngoài ý muốn, bị các bệnh hay biến chứng sản khoa, bệnh lây nhiễm qua đường tình dục.

Về tâm lý, ảnh hưởng tới tinh thần của nạn nhân bạo lực gia đình mặc dù khó nhận biết nhưng lại có ảnh hưởng nhiều nhất. Bạo lực gia đình thường để lại những dư âm tới nạn nhân bạo lực gia đình và hậu quả của nó thường dai dẳng hơn nhiều so với ảnh hưởng về thể chất. Những tổn thương về thể chất ở nạn nhân bạo lực gia đình còn có thể khắc phục được bởi can thiệp y tế nhưng tổn thương về tinh thần của họ không dễ gì can thiệp được.

- Bạo lực gia đình làm xói mòn đạo đức, mất tính dân chủ xã hội và ảnh hưởng đến thế hệ tương lai.

- Bên cạnh những hậu quả trực tiếp về chi phí chăm sóc và phục hồi sức khỏe nạn nhân và gia đình; ngăn chặn xung đột, điều tra, truy tố, xét xử... còn nhiều chi phí gián tiếp khác về kinh tế xã hội như tăng tình trạng bệnh tật, tự tử; mất khả năng tham gia lao động, sản xuất.

.....V.V ...

Câu 7. Hãy nêu những hành vi bị nghiêm cấm trong Luật giao thông đường bộ năm 2008? Trình bày một số quy tắc giao thông đường bộ sau đây: quy tắc chung; hệ thống báo hiệu đường bộ; chấp hành báo hiệu đường bộ; tốc độ xe và khoảng cách giữa các xe; sử dụng làn đường; vượt xe; chuyển hướng xe; lùi xe, tránh xe đi ngược chiều; dừng xe, đỗ xe trên đường bộ; dừng xe, đỗ xe trên đường phố; người đi bộ.

Gợi ý:

*** Những hành vi bị nghiêm cấm trong Luật giao thông đường bộ năm 2008**

Điều 8 Luật giao thông đường bộ năm 2008 quy định các hành vi bị nghiêm cấm như sau:

1. Phá hoại đường, cầu, hầm, bến phà đường bộ, đèn tín hiệu, cọc tiêu, biển báo hiệu, gương cầu, dải phân cách, hệ thống thoát nước và các công trình, thiết bị khác thuộc kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

2. Đào, khoan, xẻ đường trái phép; đặt, để chướng ngại vật trái phép trên đường; đặt, rải vật nhọn, đổ chất gây trơn trên đường; để trái phép vật liệu, phế thải, thải rác ra đường; mở đường, đầu nối trái phép vào đường chính; lấn, chiếm hoặc sử dụng trái phép đất của đường bộ, hành lang an toàn đường bộ; tự ý tháo mở nắp cống, tháo dỡ, di chuyển trái phép hoặc làm sai lệch công trình đường bộ.

3. Sử dụng lòng đường, lề đường, hè phố trái phép.

4. Đưa xe cơ giới, xe máy chuyên dùng không bảo đảm tiêu chuẩn an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường tham gia giao thông đường bộ.

5. Thay đổi tổng thành, linh kiện, phụ kiện xe cơ giới để tạm thời đạt tiêu chuẩn kỹ thuật của xe khi đi kiểm định.

6. Đua xe, cổ vũ đua xe, tổ chức đua xe trái phép, lạng lách, đánh võng.

7. Điều khiển phương tiện giao thông đường bộ mà trong cơ thể có chất ma túy.

8. Điều khiển xe ô tô, máy kéo, xe máy chuyên dùng trên đường mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn.

Điều khiển xe mô tô, xe gắn máy mà trong máu có nồng độ cồn vượt quá 50 miligam/100 mililít máu hoặc 0,25 miligam/1 lít khí thở.

9. Điều khiển xe cơ giới không có giấy phép lái xe theo quy định.

Điều khiển xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ không có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ, bằng hoặc chứng chỉ điều khiển xe máy chuyên dùng.

10. Giao xe cơ giới, xe máy chuyên dùng cho người không đủ điều kiện để điều khiển xe tham gia giao thông đường bộ.

11. Điều khiển xe cơ giới chạy quá tốc độ quy định, giành đường, vượt ẩu.

12. Bấm còi, rú ga liên tục; bấm còi trong thời gian từ 22 giờ đến 5 giờ, bấm còi hơi, sử dụng đèn chiếu xa trong đô thị và khu đông dân cư, trừ các xe được quyền ưu tiên đang đi làm nhiệm vụ theo quy định của Luật này.

13. Lắp đặt, sử dụng còi, đèn không đúng thiết kế của nhà sản xuất đối với từng loại xe cơ giới; sử dụng thiết bị âm thanh gây mất trật tự an toàn giao thông, trật tự công cộng.

14. Vận chuyển hàng cấm lưu thông, vận chuyển trái phép hoặc không thực hiện đầy đủ các quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm, động vật hoang dã.

15. Đe dọa, xúc phạm, tranh giành, lôi kéo hành khách; bắt ép hành khách sử dụng dịch vụ ngoài ý muốn; chuyển tải, xuống khách hoặc các hành vi khác nhằm trốn tránh phát hiện xe chở quá tải, quá số người quy định.

16. Kinh doanh vận tải bằng xe ô tô khi không đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh theo quy định.

17. Bỏ trốn sau khi gây tai nạn để trốn tránh trách nhiệm.

18. Khi có điều kiện mà cố ý không cứu giúp người bị tai nạn giao thông.

19. Xâm phạm tính mạng, sức khỏe, tài sản của người bị nạn và người gây tai nạn.

20. Lợi dụng việc xảy ra tai nạn giao thông để hành hung, đe dọa, xúi giục, gây sức ép, làm mất trật tự, cản trở việc xử lý tai nạn giao thông.

21. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn, nghề nghiệp của bản thân hoặc người khác để vi phạm pháp luật về giao thông đường bộ.

22. Sản xuất, sử dụng trái phép hoặc mua, bán biển số xe cơ giới, xe máy chuyên dùng.

23. Hành vi vi phạm quy tắc giao thông đường bộ, hành vi khác gây nguy hiểm cho người và phương tiện tham gia giao thông đường bộ.

** Hãy trình bày một số quy tắc giao thông đường bộ sau đây: quy tắc chung, hệ thống báo hiệu đường bộ, chấp hành báo hiệu đường bộ, tốc độ xe và khoảng cách giữa các xe, sử dụng làn đường, vượt xe, chuyển hướng xe, lùi xe,*

tránh xe đi ngược chiều, dừng xe, đỗ xe trên đường bộ, dừng xe, đỗ xe trên đường phố; người đi bộ.

Điều 9. Quy tắc chung

1. Người tham gia giao thông phải đi bên phải theo chiều đi của mình, đi đúng làn đường, phần đường quy định và phải chấp hành hệ thống báo hiệu đường bộ.

2. Xe ô tô có trang bị dây an toàn thì người lái xe và người ngồi hàng ghế phía trước trong xe ô tô phải thắt dây an toàn.

Điều 10. Hệ thống báo hiệu đường bộ

1. Hệ thống báo hiệu đường bộ gồm hiệu lệnh của người điều khiển giao thông; tín hiệu đèn giao thông, biển báo hiệu, vạch kẻ đường, cọc tiêu hoặc tường bảo vệ, rào chắn.

2. Hiệu lệnh của người điều khiển giao thông quy định như sau:

a) Tay giơ thẳng đứng để báo hiệu cho người tham gia giao thông ở các hướng dừng lại;

b) Hai tay hoặc một tay dang ngang để báo hiệu cho người tham gia giao thông ở phía trước và ở phía sau người điều khiển giao thông phải dừng lại; người tham gia giao thông ở phía bên phải và bên trái của người điều khiển giao thông được đi;

c) Tay phải giơ về phía trước để báo hiệu cho người tham gia giao thông ở phía sau và bên phải người điều khiển giao thông phải dừng lại; người tham gia giao thông ở phía trước người điều khiển giao thông được rẽ phải; người tham gia giao thông ở phía bên trái người điều khiển giao thông được đi tất cả các hướng; người đi bộ qua đường phải đi sau lưng người điều khiển giao thông.

3. Tín hiệu đèn giao thông có ba màu, quy định như sau:

a) Tín hiệu xanh là được đi;

b) Tín hiệu đỏ là cấm đi;

c) Tín hiệu vàng là phải dừng lại trước vạch dừng, trừ trường hợp đã đi quá vạch dừng thì được đi tiếp; trong trường hợp tín hiệu vàng nhấp nháy là được đi nhưng phải giảm tốc độ, chú ý quan sát, nhường đường cho người đi bộ qua đường.

4. Biển báo hiệu đường bộ gồm năm nhóm, quy định như sau:

a) Biển báo cấm để biểu thị các điều cấm;

b) Biển báo nguy hiểm để cảnh báo các tình huống nguy hiểm có thể xảy ra;

c) Biển hiệu lệnh để báo các hiệu lệnh phải thi hành;

d) Biển chỉ dẫn để chỉ dẫn hướng đi hoặc các điều cần biết;

đ) Biển phụ để thuyết minh bổ sung các loại biển báo cấm, biển báo nguy hiểm, biển hiệu lệnh và biển chỉ dẫn.

5. Vạch kẻ đường là vạch chỉ sự phân chia làn đường, vị trí hoặc hướng đi, vị trí dừng lại.

6. Cọc tiêu hoặc tường bảo vệ được đặt ở mép các đoạn đường nguy hiểm để hướng dẫn cho người tham gia giao thông biết phạm vi an toàn của nền đường và hướng đi của đường.

7. Rào chắn được đặt ở nơi đường bị thắt hẹp, đầu cầu, đầu cống, đầu đoạn đường cấm, đường cụt không cho xe, người qua lại hoặc đặt ở những nơi cần điều khiển, kiểm soát sự đi lại.

8. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định cụ thể về báo hiệu đường bộ.

Điều 11. Chấp hành báo hiệu đường bộ

1. Người tham gia giao thông phải chấp hành hiệu lệnh và chỉ dẫn của hệ thống báo hiệu đường bộ.

2. Khi có người điều khiển giao thông thì người tham gia giao thông phải chấp hành hiệu lệnh của người điều khiển giao thông.

3. Tại nơi có biển báo hiệu cố định lại có báo hiệu tạm thời thì người tham gia giao thông phải chấp hành hiệu lệnh của báo hiệu tạm thời.

4. Tại nơi có vạch kẻ đường dành cho người đi bộ, người điều khiển phương tiện phải quan sát, giảm tốc độ và nhường đường cho người đi bộ, xe lăn của người khuyết tật qua đường.

Những nơi không có vạch kẻ đường cho người đi bộ, người điều khiển phương tiện phải quan sát, nếu thấy người đi bộ, xe lăn của người khuyết tật đang qua đường thì phải giảm tốc độ, nhường đường cho người đi bộ, xe lăn của người khuyết tật qua đường bảo đảm an toàn.

Điều 12. Tốc độ xe và khoảng cách giữa các xe

1. Người lái xe, người điều khiển xe máy chuyên dùng phải tuân thủ quy định về tốc độ xe chạy trên đường và phải giữ một khoảng cách an toàn đối với xe chạy liền trước xe của mình; ở nơi có biển báo "Cự ly tối thiểu giữa hai xe" phải giữ khoảng cách không nhỏ hơn số ghi trên biển báo.

2. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tốc độ xe và việc đặt biển báo tốc độ; tổ chức thực hiện đặt biển báo tốc độ trên các tuyến quốc lộ.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức thực hiện việc đặt biển báo tốc độ trên các tuyến đường do địa phương quản lý.

Điều 13. Sử dụng làn đường

1. Trên đường có nhiều làn đường cho xe đi cùng chiều được phân biệt bằng vạch kẻ phân làn đường, người điều khiển phương tiện phải cho xe đi trong một làn đường và chỉ được chuyển làn đường ở những nơi cho phép; khi chuyển làn đường phải có tín hiệu báo trước và phải bảo đảm an toàn.

2. Trên đường một chiều có vạch kẻ phân làn đường, xe thô sơ phải đi trên làn đường bên phải trong cùng, xe cơ giới, xe máy chuyên dùng đi trên làn đường bên trái.

3. Phương tiện tham gia giao thông đường bộ di chuyển với tốc độ thấp hơn phải đi về bên phải.

Điều 14. Vượt xe

1. Xe xin vượt phải có báo hiệu bằng đèn hoặc còi; trong đô thị và khu đông dân cư từ 22 giờ đến 5 giờ chỉ được báo hiệu xin vượt bằng đèn.

2. Xe xin vượt chỉ được vượt khi không có chướng ngại vật phía trước, không có xe chạy ngược chiều trong đoạn đường định vượt, xe chạy trước không có tín hiệu vượt xe khác và đã tránh về bên phải.

3. Khi có xe xin vượt, nếu đủ điều kiện an toàn, người điều khiển phương tiện phía trước phải giảm tốc độ, di sát về bên phải của phần đường xe chạy cho đến khi xe sau đã vượt qua, không được gây trở ngại đối với xe xin vượt.

4. Khi vượt, các xe phải vượt về bên trái, trừ các trường hợp sau đây thì được phép vượt bên phải:

- a) Khi xe phía trước có tín hiệu rẽ trái hoặc đang rẽ trái;
- b) Khi xe điện đang chạy giữa đường;
- c) Khi xe chuyên dùng đang làm việc trên đường mà không thể vượt bên trái được.

5. Không được vượt xe khi có một trong các trường hợp sau đây:

- a) Không bảo đảm các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này;
- b) Trên cầu hẹp có một làn xe;
- c) Đường vòng, đầu dốc và các vị trí có tầm nhìn hạn chế;
- d) Nơi đường giao nhau, đường bộ giao nhau cùng mức với đường sắt;
- đ) Khi điều kiện thời tiết hoặc đường không bảo đảm an toàn cho việc vượt;
- e) Xe được quyền ưu tiên đang phát tín hiệu ưu tiên đi làm nhiệm vụ.

Điều 15. Chuyển hướng xe

1. Khi muốn chuyển hướng, người điều khiển phương tiện phải giảm tốc độ và có tín hiệu báo hướng rẽ.

2. Trong khi chuyển hướng, người lái xe, người điều khiển xe máy chuyên dùng phải nhường quyền đi trước cho người đi bộ, người đi xe đạp đang đi trên phần đường dành riêng cho họ, nhường đường cho các xe đi ngược chiều và chỉ cho xe chuyển hướng khi quan sát thấy không gây trở ngại hoặc nguy hiểm cho người và phương tiện khác.

3. Trong khu dân cư, người lái xe, người điều khiển xe máy chuyên dùng chỉ được quay đầu xe ở nơi đường giao nhau và nơi có biển báo cho phép quay đầu xe.

4. Không được quay đầu xe ở phần đường dành cho người đi bộ qua đường, trên cầu, đầu cầu, gầm cầu vượt, ngầm, trong hầm đường bộ, đường cao tốc, tại nơi đường bộ giao nhau cùng mức với đường sắt, đường hẹp, đường dốc, đoạn đường cong tầm nhìn bị che khuất.

Điều 16. Lùi xe

1. Khi lùi xe, người điều khiển phải quan sát phía sau, có tín hiệu cần thiết và chỉ khi nào thấy không nguy hiểm mới được lùi.

2. Không được lùi xe ở khu vực cấm dừng, trên phần đường dành cho người đi bộ qua đường, nơi đường bộ giao nhau, đường bộ giao nhau cùng mức với đường sắt, nơi tầm nhìn bị che khuất, trong hầm đường bộ, đường cao tốc.

Điều 17. Tránh xe đi ngược chiều

1. Trên đường không phân chia thành hai chiều xe chạy riêng biệt, hai xe đi ngược chiều tránh nhau, người điều khiển phải giảm tốc độ và cho xe đi về bên phải theo chiều xe chạy của mình.

2. Các trường hợp nhường đường khi tránh nhau quy định như sau:

a) Nơi đường hẹp chỉ đủ cho một xe chạy và có chỗ tránh xe thì xe nào ở gần chỗ tránh hơn phải vào vị trí tránh, nhường đường cho xe kia đi;

b) Xe xuống dốc phải nhường đường cho xe đang lên dốc;

c) Xe nào có chướng ngại vật phía trước phải nhường đường cho xe không có chướng ngại vật đi trước.

3. Xe cơ giới đi ngược chiều gặp nhau không được dùng đèn chiếu xa.

Điều 18. Dừng xe, đỗ xe trên đường bộ

1. Dừng xe là trạng thái đứng yên tạm thời của phương tiện giao thông trong một khoảng thời gian cần thiết đủ để cho người lên, xuống phương tiện, xếp dỡ hàng hóa hoặc thực hiện công việc khác.

2. Đỗ xe là trạng thái đứng yên của phương tiện giao thông không giới hạn thời gian.

3. Người điều khiển phương tiện khi dừng xe, đỗ xe trên đường bộ phải thực hiện quy định sau đây:

a) Có tín hiệu báo cho người điều khiển phương tiện khác biết;

b) Cho xe dừng, đỗ ở nơi có lề đường rộng hoặc khu đất ở bên ngoài phần đường xe chạy; trường hợp lề đường hẹp hoặc không có lề đường thì phải cho xe dừng, đỗ sát mép đường phía bên phải theo chiều đi của mình;

c) Trường hợp trên đường đã xây dựng nơi dừng xe, đỗ xe hoặc quy định các điểm dừng xe, đỗ xe thì phải dừng, đỗ xe tại các vị trí đó;

d) Sau khi đỗ xe, chỉ được rời khỏi xe khi đã thực hiện các biện pháp an toàn; nếu xe đỗ chiếm một phần đường xe chạy phải đặt ngay biển báo hiệu nguy hiểm ở phía trước và phía sau xe để người điều khiển phương tiện khác biết;

đ) Không mở cửa xe, để cửa xe mở hoặc bước xuống xe khi chưa bảo đảm điều kiện an toàn;

e) Khi dừng xe, không được tắt máy và không được rời khỏi vị trí lái;

g) Xe đỗ trên đoạn đường dốc phải được chèn bánh.

4. Người điều khiển phương tiện không được dừng xe, đỗ xe tại các vị trí sau đây:

a) Bên trái đường một chiều;

b) Trên các đoạn đường cong và gần đầu dốc tầm nhìn bị che khuất;

c) Trên cầu, gầm cầu vượt;

d) Song song với một xe khác đang dừng, đỗ;

đ) Trên phần đường dành cho người đi bộ qua đường;

e) Nơi đường giao nhau và trong phạm vi 5 mét tính từ mép đường giao nhau;

g) Nơi dừng của xe buýt;

h) Trước cổng và trong phạm vi 5 mét hai bên cổng trụ sở cơ quan, tổ chức;

i) Tại nơi phân đường có bề rộng chỉ đủ cho một làn xe;

k) Trong phạm vi an toàn của đường sắt;

l) Che khuất biển báo hiệu đường bộ.

Điều 19. Dừng xe, đỗ xe trên đường phố

Người điều khiển phương tiện khi dừng xe, đỗ xe trên đường phố phải tuân theo quy định tại Điều 18 của Luật này và các quy định sau đây:

1. Phải cho xe dừng, đỗ sát theo lề đường, hè phố phía bên phải theo chiều đi của mình; bánh xe gần nhất không được cách xa lề đường, hè phố quá 0,25 mét và không gây cản trở, nguy hiểm cho giao thông. Trường hợp đường phố hẹp, phải dừng xe, đỗ xe ở vị trí cách xe ô tô đang đỗ bên kia đường tối thiểu 20 mét.

2. Không được dừng xe, đỗ xe trên đường xe điện, trên miệng công thoát nước, miệng hầm của đường điện thoại, điện cao thế, chỗ dành riêng cho xe chữa cháy lấy nước. Không được để phương tiện giao thông ở lòng đường, hè phố trái quy định.

Điều 32. Người đi bộ

1. Người đi bộ phải đi trên hè phố, lề đường; trường hợp đường không có hè phố, lề đường thì người đi bộ phải đi sát mép đường.

2. Người đi bộ chỉ được qua đường ở những nơi có đèn tín hiệu, có vạch kẻ đường hoặc có cầu vượt, hầm dành cho người đi bộ và phải tuân thủ tín hiệu chỉ dẫn.

3. Trường hợp không có đèn tín hiệu, không có vạch kẻ đường, cầu vượt, hầm dành cho người đi bộ thì người đi bộ phải quan sát các xe đang đi tới, chỉ qua đường khi bảo đảm an toàn và chịu trách nhiệm bảo đảm an toàn khi qua đường.

4. Người đi bộ không được vượt qua dải phân cách, không đu bám vào phương tiện giao thông đang chạy; khi mang vác vật cồng kềnh phải bảo đảm an toàn và không gây trở ngại cho người và phương tiện tham gia giao thông đường bộ.

5. Trẻ em dưới 7 tuổi khi đi qua đường đô thị, đường thường xuyên có xe cơ giới qua lại phải có người lớn dắt; mọi người có trách nhiệm giúp đỡ trẻ em dưới 7 tuổi khi đi qua đường.

Câu 8. Luật phòng chống mua bán người quy định các hành vi nào bị nghiêm cấm? Cá nhân, gia đình, nhà trường và các cơ sở giáo dục, đào tạo tham gia phòng ngừa mua bán người như thế nào?

Gợi ý:

** Các hành vi bị nghiêm cấm trong Luật phòng chống mua bán người được quy định như sau:*

Điều 3. Các hành vi bị nghiêm cấm

1. Mua bán người theo quy định tại Điều 150 và Điều 151 của Bộ luật hình sự.

2. Chuyển giao hoặc tiếp nhận người để bóc lột tình dục, cưỡng bức lao động, lấy các bộ phận cơ thể hoặc vì mục đích vô nhân đạo khác.

3. Tuyển mộ, vận chuyển, chứa chấp người để bóc lột tình dục, cưỡng bức lao động, lấy các bộ phận cơ thể hoặc vì mục đích vô nhân đạo khác hoặc để thực hiện hành vi quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Cưỡng bức người khác thực hiện một trong các hành vi quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này.

5. Mời giới thiệu người khác thực hiện một trong các hành vi quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này.

6. Trả thù, đe dọa trả thù nạn nhân, người làm chứng, người tố giác, người tố cáo, người thân thích của họ hoặc người ngăn chặn hành vi quy định tại Điều này.

7. Lợi dụng hoạt động phòng, chống mua bán người để trục lợi, thực hiện các hành vi trái pháp luật.

8. Cản trở việc tố giác, tố cáo, khai báo và xử lý hành vi quy định tại Điều này.

9. Kỳ thị, phân biệt đối xử với nạn nhân.

10. Tiết lộ thông tin về nạn nhân khi chưa có sự đồng ý của họ hoặc người đại diện hợp pháp của nạn nhân.

11. Giả mạo là nạn nhân.

12. Hành vi khác vi phạm các quy định của Luật này.

** Cá nhân, gia đình, nhà trường và các cơ sở giáo dục, đào tạo tham gia phòng ngừa mua bán người như thế nào?*

Điều 12, Điều 13, Điều 14 Luật phòng chống mua bán người quy định trách nhiệm của cá nhân, gia đình, nhà trường và các cơ sở giáo dục, đào tạo tham gia phòng ngừa mua bán người như sau:

Điều 12. Cá nhân tham gia phòng ngừa mua bán người

1. Tham gia các hoạt động phòng ngừa mua bán người.

2. Kịp thời báo tin, tố giác, tố cáo hành vi quy định tại Điều 3 của Luật này.

Điều 13. Gia đình tham gia phòng ngừa mua bán người

1. Cung cấp thông tin cho thành viên trong gia đình về thủ đoạn mua bán người và các biện pháp phòng, chống mua bán người.

2. Phối hợp với nhà trường, cơ quan, tổ chức và các đoàn thể xã hội trong phòng, chống mua bán người.

3. Chăm sóc, giúp đỡ nạn nhân là thành viên của gia đình để họ hòa nhập cuộc sống gia đình và cộng đồng.

4. Động viên nạn nhân là thành viên của gia đình hợp tác với các cơ quan có thẩm quyền trong phòng, chống mua bán người.

Điều 14. Nhà trường và các cơ sở giáo dục, đào tạo tham gia phòng ngừa mua bán người

1. Quản lý chặt chẽ việc học tập và các hoạt động khác của học sinh, sinh viên, học viên.

2. Tổ chức tuyên truyền, giáo dục ngoại khóa về phòng, chống mua bán người phù hợp với từng cấp học, ngành học.

3. Tạo điều kiện thuận lợi để học sinh, sinh viên, học viên là nạn nhân học văn hóa, học nghề, hòa nhập cộng đồng.

4. Phối hợp với gia đình, cơ quan, tổ chức thực hiện các biện pháp phòng, chống mua bán người.

Câu 9. Quyền được thông tin về pháp luật và trách nhiệm tìm hiểu, học tập pháp luật của công dân; các hình thức phổ biến, giáo dục pháp luật được quy định như thế nào?

Gợi ý:

** Quyền được thông tin về pháp luật và trách nhiệm tìm hiểu, học tập pháp luật của công dân được quy định tại Điều 2 Luật phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2012*

- Công dân có quyền được thông tin về pháp luật và có trách nhiệm chủ động tìm hiểu, học tập pháp luật.

- Nhà nước bảo đảm, tạo điều kiện cho công dân thực hiện quyền được thông tin về pháp luật.

** Các hình thức phổ biến, giáo dục pháp luật được quy định tại Điều 11 Luật phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2012*

1. Họp báo, thông cáo báo chí.

2. Phổ biến pháp luật trực tiếp; tư vấn, hướng dẫn tìm hiểu pháp luật; cung cấp thông tin, tài liệu pháp luật.

3. Thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, loa truyền thanh, internet, pa-nô, áp-phích, tranh cổ động; đăng tải trên Công báo; đăng tải thông tin pháp luật trên trang thông tin điện tử; niêm yết tại trụ sở, bảng tin của cơ quan, tổ chức, khu dân cư.

4. Tổ chức thi tìm hiểu pháp luật.

5. Thông qua công tác xét xử, xử lý vi phạm hành chính, hoạt động tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân và hoạt động khác của các cơ quan trong bộ máy nhà nước; thông qua hoạt động trợ giúp pháp lý, hòa giải ở cơ sở.

6. Lòng ghép trong hoạt động văn hóa, văn nghệ, sinh hoạt của tổ chức chính trị và các đoàn thể, câu lạc bộ, tủ sách pháp luật và các thiết chế văn hóa khác ở cơ sở.

7. Thông qua chương trình giáo dục pháp luật trong các cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân.

8. Các hình thức phổ biến, giáo dục pháp luật khác phù hợp với từng đối tượng cụ thể mà các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền có thể áp dụng để bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật đem lại hiệu quả.

Câu 10. Là một thanh, thiếu niên, bạn cần có trách nhiệm như thế nào trong việc phổ biến, giáo dục pháp luật? Bạn hãy kể về một hình thức phổ biến có hiệu quả đang thực hiện ở trường học, cơ quan, đơn vị, địa phương nơi bạn học tập, công tác hoặc cư trú. Theo bạn cần những giải pháp nào để thực hiện có hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật cho thanh, thiếu niên trên địa bàn tỉnh Lai Châu?

- Viết không quá 3000 từ.

Ghi chú: *Gợi ý chỉ mang tính chất tham khảo để làm bài dự thi.*